

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LOGISTICS THU HỒI: NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Hàn Huyền Hương^{1,2*}, Nguyễn Thị Thủy², Nguyễn Thị Dương Nga²

¹Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

²Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: huonghh.ktcb@vimaru.edu.vn

Ngày nhận bài: 24.03.2025

Ngày chấp nhận đăng: 20.05.2025

TÓM TẮT

Logistics thu hồi đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu của phát triển bền vững. Mục đích của nghiên cứu này là dựa trên việc phân tích thực trạng hoạt động logistics thu hồi của các doanh nghiệp tại TP. Hải Phòng, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện hoạt động này. Phương pháp phân tích thứ bậc AHP (Analytic Hierarchy Process) cùng ý kiến chuyên gia được sử dụng để xếp hạng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các doanh nghiệp đã thực hiện logistics thu hồi tại TP. Hải Phòng chiếm tỷ lệ khá thấp và hoạt động logistics thu hồi có thể mang lại lợi ích cho doanh nghiệp. Trong các giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước, giải pháp được ưu tiên nhất là "Tăng cường sự hướng dẫn, hỗ trợ của các cơ quan quản lý tới doanh nghiệp". Đối với doanh nghiệp, giải pháp quan trọng nhất là "Doanh nghiệp cần nâng cao hiểu biết và nhận thức về xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn trong tương lai mà Việt Nam đang hướng tới và Chính phủ đã định hướng; những chính sách, luật, quy định đã và sẽ được thực thi liên quan đến trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong việc thu hồi và xử lý các sản phẩm/bao bì sản phẩm thải bỏ; quan tâm tới sự phát triển trong dài hạn của doanh nghiệp".

Từ khóa: phương pháp AHP, logistics thu hồi, thực trạng, giải pháp.

Current Situation and Solutions to Promote Reverse Logistics Implementation by Enterprises: A Case Study in Hai Phong City

ABSTRACT

Reverse logistics plays a crucial role in achieving sustainable development goals. The objective of this study is to propose solutions that encourage enterprises to implement reverse logistics activities, based on an analysis of the current practices among businesses in Hai Phong City. The Analytic Hierarchy Process (AHP), combined with expert opinions, is employed to prioritise the proposed solutions. The research findings indicate that the proportion of enterprises engaging in reverse logistics in Hai Phong remains relatively low, despite the potential benefits such activities offer to businesses. Among the solutions directed at governmental authorities, the most highly prioritised is "Strengthening guidance and support from regulatory bodies to enterprises". For businesses, the most critical solution is to "Enhance understanding and awareness of the future trend towards a circular economy in Vietnam, as outlined by government orientations; recognise the policies, laws, and regulations that are or will be enforced regarding extended producer responsibility for the take-back and treatment of discarded products and packaging; and pay attention to the enterprise's long-term development".

Keywords: AHP method, reverse logistics, current state, solutions.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt và áp lực bảo vệ môi trường gia

tăng, kinh tế tuần hoàn đã trở thành mô hình phát triển bền vững được nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam hướng đến. Logistics thu hồi (RL) đóng vai trò quan trọng trong việc hiện

thực hóa mục tiêu của kinh tế tuần hoàn, đặc biệt tại Việt Nam, nơi tốc độ tăng trưởng kinh tế và nhu cầu tiêu dùng đang gia tăng mạnh mẽ. Nhận thấy tầm quan trọng của RL, Chính phủ Việt Nam đã có các quy định nội dung liên quan đến hoạt động thu hồi và xử lý các sản phẩm thải bỏ tại quyết định 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015. Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó đề cập đến trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu về tái chế và xử lý sản phẩm, bao bì. RL đã được nghiên cứu nhiều ở các quốc gia phát triển như châu Âu, Mỹ. Tuy nhiên, tại các quốc gia đang phát triển như Việt Nam hiện vẫn có sự thiếu vắng trong nghiên cứu về RL. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về RL hiện mới chỉ tập trung ở một ngành hẹp như RL trong ngành nhựa (Trần Thị Thu Hương, 2018), thiết bị điện, điện tử (Nguyễn Huy Tuân, 2021); thương mại điện tử (Nguyễn Thị Lê Hằng & cs., 2024); chưa có nghiên cứu nào về RL cho nhiều loại hình DN trên một địa bàn cụ thể.

Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện RL của các DN tại TP. Hải Phòng. Phạm vi nghiên cứu tại các DN sản xuất trong các lĩnh vực sản xuất cao su, nhựa; thực phẩm/đồ uống; vật liệu xây dựng; dệt may và điện, điện tử và với hoạt động RL trong nước, không nghiên cứu hoạt động RL với sản phẩm xuất khẩu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

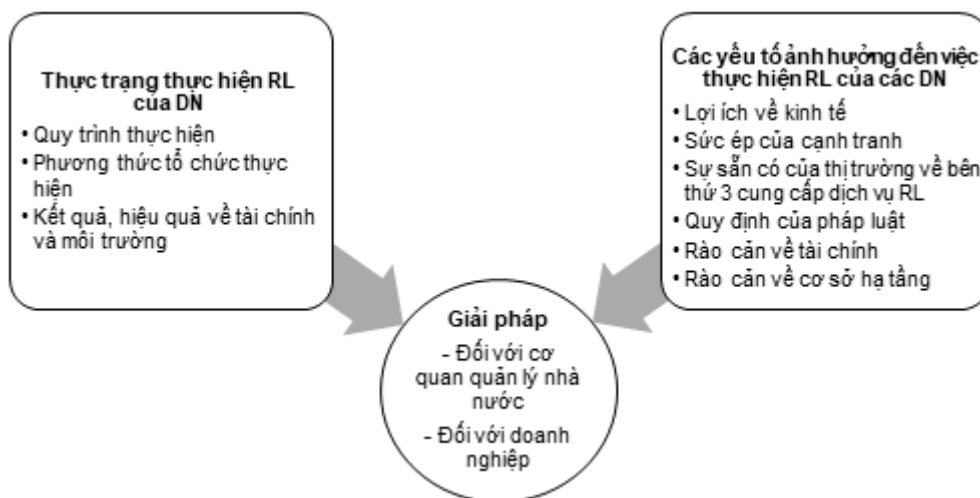
2.1. Khung phân tích

RL tập trung thu hồi lại những sản phẩm lỗi, hỏng, tồn kho, hoặc sản phẩm hết vòng đời cùng với thành phần/bộ phận của sản phẩm; bao bì sản phẩm quay trở về DN để tái chế, tái sử dụng, tái sản xuất hoặc thải bỏ một cách hợp lý, giúp DN giảm chi phí, tăng doanh thu, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và giảm tác động môi trường (Marchesini & Alcantara, 2016). Thực hiện RL tác động đến hoạt động kinh doanh, giúp DN đạt lợi thế cạnh tranh và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội (Rogers & Tibben-Lembke, 1999).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dung lượng mẫu (số DN) của nghiên cứu được xác định theo công thức của Slovin (1984). Tổng số DN sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng tính đến cuối năm 2022 là 4.833 DN. Số lượng DN cần khảo sát là 98. Tiêu chí lựa chọn DN như sau: (1) các DN có quan tâm tới thực hiện RL; (2) Các DN sản xuất.

Nghiên cứu lựa chọn các DN tham gia hội thảo tập huấn về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) trong việc thu hồi, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức năm 2023, điều tra bổ sung ngẫu nhiên thêm các DN khác thuộc danh sách các DN do Cục Thống kê Hải Phòng cung cấp.



Hình 1. Khung phân tích thực trạng và giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện logistics thu hồi

Phương pháp chuyên gia được sử dụng để đánh giá và xếp hạng các giải pháp đề xuất theo thứ tự ưu tiên thông qua hình thức phỏng vấn sâu 12 chuyên gia khối DN, nghiên cứu, quản lý nhà nước. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) để xếp hạng các giải pháp theo thứ tự ưu tiên. Phương pháp AHP đã được ứng dụng rộng rãi trong nghiên cứu RL, hỗ trợ ra quyết định trong nhiều khía cạnh khác nhau như nghiên cứu của Bouzon & cs. (2016), Tavana & cs. (2016). Phương pháp nghiên cứu tình huống (case study) được thực hiện đối với một DN tại Hải Phòng nhằm phân tích kết quả và đánh giá hiệu quả tài chính cũng như tác động môi trường của hoạt động RL. DN được ký hiệu là NTP.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng hoạt động RL của các DN tại thành phố Hải Phòng

Theo kết quả điều tra, số lượng DN chưa có kế hoạch thực hiện RL chiếm tỷ lệ nhiều nhất trong mẫu khảo sát, 39,25% (Bảng 1). Những DN này thuộc lĩnh vực sản xuất thực phẩm, sản xuất sản phẩm nhựa (nhựa gia dụng, hạt nhựa, bao bì từ nhựa), sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói) và dệt, may. Lý do một số DN này chưa có kế hoạch thực hiện RL là vì sản phẩm có khả năng thu hồi thấp hoặc không có khả năng thu hồi và/hoặc DN không bị áp lực phải thực hiện thu hồi/ DN không có công nghệ tái chế phù hợp với điều kiện thực tế/ DN thấy việc thu hồi là không cần thiết và gây tổn kém chi phí cho DN.

Ngoài ra, 100% DN sản xuất bao bì nhựa và hạt nhựa trong mẫu khảo sát cho biết, một lý do quan trọng khiến DN chưa có kế hoạch thực hiện RL vì hiện nay hạ tầng phục vụ cho phân loại rác và tái chế tại Hải Phòng nói riêng và Việt Nam nói chung còn yếu kém và chưa đồng bộ, gây khó khăn cho việc thu gom và xử lý. Rác thải nhựa ở Việt Nam thường lẫn tạp chất, không được phân loại tại nguồn khiến nhựa sạch và nhựa bẩn lẫn lộn, khó tái chế thành hạt nhựa chất lượng cao. Nếu DN muốn sử dụng nguyên liệu trong nước để tái chế thì DN phải đầu tư thêm vào việc làm sạch và xử lý nhựa phế liệu, gây tổn kém chi phí cho DN.

Nhóm DN phản hồi rằng đã thực hiện việc thu hồi chiếm khoảng 29% gồm một số DN đang hoạt động trong ngành sản xuất sản phẩm điện tử, sản xuất thực phẩm/đồ uống, sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su. Một số lý do DN thực hiện thu hồi là (i) việc thu hồi sản phẩm và tái sử dụng/tái chế giúp DN tiết kiệm chi phí mua nguyên, vật liệu (DN sản xuất nước uống tinh khiết đóng bình); (ii) thao tác sản xuất trên nguyên vật liệu thu hồi dễ dàng hơn trên nguyên vật liệu mới (DN sản xuất sữa chua các loại); (iii) nhận thấy cần có trách nhiệm với xã hội (DN sản xuất sản phẩm từ nhựa, cao su; sản xuất ốc quy); (iv) Luật Bảo vệ môi trường 2015 quy định (sản xuất sản phẩm điện, điện tử); (v) DN quan tâm tới thị trường xuất khẩu có xu hướng xiết chặt các quy định về môi trường (sản xuất sắn, lốp) và DN muốn quảng bá/tiếp thị hình ảnh xanh, thân thiện với môi trường. Trong số những DN này thì chưa có DN nào thực hiện kế toán chi phí liên quan đến RL.

Bảng 1. Tình hình thực hiện hoạt động logistics thu hồi của doanh nghiệp (năm 2023)

Tình hình thực hiện hoạt động RL của DN	Số lượng (DN)	Cơ cấu mẫu (%)
Đã thực hiện	51	37,79
Đã thực hiện	39	28,88
Đã từng thực hiện nhưng dừng lại	12	8,91
Chưa thực hiện	84	62,21
Chưa có kế hoạch thực hiện	53	39,25
Chưa thực hiện nhưng có ý định thực hiện	31	22,96
Tổng	135	100

Nhóm DN cho biết chưa thực hiện RL nhưng có ý định thực hiện trong tương lai chiếm 23% trong tổng số DN trả lời khảo sát. Những DN này đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành/lĩnh vực điện, điện tử; vật liệu xây dựng (xi măng); sản xuất sản phẩm nhựa (nhựa gia dụng, hạt nhựa, bao bì từ nhựa) và cao su. Một số lý do bao gồm (i) DN chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện, (ii) DN thấy việc thu hồi là không cần thiết và gây tốn kém chi phí, (iii) đang chưa biết thực hiện thu hồi như thế nào. Hầu hết các DN có quy mô nhỏ và vừa đều chưa có kinh nghiệm thực hiện RL hoặc chưa tìm hiểu sâu về RL. Các DN này có kế hoạch thực hiện thu hồi là vì phải thực hiện theo Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam và quy định bắt buộc về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất được quy định trong Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Có gần 9% DN được khảo sát trả lời rằng họ đã từng thực hiện RL nhưng hiện nay đã dừng lại vì một số lý do như (i) RL không hiệu quả, không mang lại nhiều lợi ích cho DN, (ii) không có sự phối hợp từ khách hàng. Đại diện của một DN sản xuất ốc quy cho biết giá thu mua ốc quy cũ, đã qua sử dụng của DN không cạnh tranh được với giá thu mua của lực lượng thu mua phế liệu nên hoạt động thu hồi ốc quy đã qua sử dụng để xử lý tái sử dụng ngày càng thu hẹp dần. Lý do cho điều này là vì người dân chưa có nhận thức cao về xử lý ốc quy cũ, thiếu nhận thức đầy đủ về tác hại của ốc quy cũ, chỉ quan tâm tới lợi ích kinh tế trước mắt.

3.2. Hoạt động logistics thu hồi của doanh nghiệp điển tra

Hoạt động thực hiện RL của các DN hoạt động trong 04 lĩnh vực sản xuất cao su, nhựa; thực phẩm/đồ uống; vật liệu xây dựng và điện, điện tử được thể hiện khái quát trong hình 2.

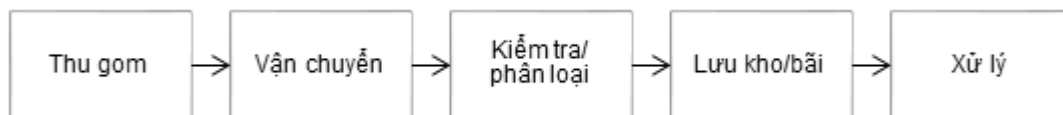
Hoạt động RL trong các lĩnh vực sản xuất bao gồm 05 bước chính: thu gom, vận chuyển, kiểm tra/phân loại, lưu kho bãi và xử lý. Tuy nhiên, cách thức triển khai cụ thể của từng bước có sự khác biệt giữa các ngành do đặc thù sản phẩm và phương thức thu hồi.

Trong ngành sản xuất sản phẩm từ nhựa, thu gom được thực hiện thông qua các cửa hàng và đại lý phân phối của DN. Các sản phẩm nhựa bị ảnh hưởng bởi thời gian, điều kiện môi trường hoặc sản phẩm dư thừa sau thi công; sản phẩm lỗi sẽ được thu gom và vận chuyển về kho của DN bằng xe tải. Tại đây, bộ phận chuyên trách kiểm tra và phân loại sản phẩm, chỉ nhận lại những sản phẩm đạt tiêu chuẩn. Những sản phẩm thu hồi đủ điều kiện sẽ được băm nhỏ và tái chế thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất.

Đối với ngành sản xuất sản phẩm từ cao su, quy trình RL tập trung vào lốp xe đã qua sử dụng. DN tự thành lập và vận hành các điểm thu gom, sau đó thuê đơn vị vận chuyển chuyên dụng để đưa lốp xe cũ về nhà máy. Sau khi được kiểm tra và phân loại, lốp xe sẽ trải qua quá trình tái chế để tạo ra nguyên liệu sản xuất các sản phẩm mới hoặc chuyển đổi thành năng lượng.

Trong ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống, quy trình thu hồi chủ yếu tập trung vào bao bì sản phẩm như vỏ chai, vỏ lọ, keg/bom bia, két đựng chai; sản phẩm lỗi, hỏng, hết hạn sử dụng. Đối với DN có mạng lưới phân phối rộng, các đại lý sẽ thu gom bao bì từ khách hàng và bảo quản tại kho của đại lý cho đến khi đội ngũ vận chuyển của DN đến lấy hàng. Đối với DN nhỏ, nhân viên giao hàng thường kết hợp giao hàng mới và thu gom bao bì cũ. Sau khi vận chuyển về kho, DN kiểm tra, phân loại sản phẩm để quyết định phương thức xử lý: tái sử dụng trực tiếp, tái chế hoặc tiêu hủy.

Trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thu gom được thực hiện chủ yếu tại các công trình lớn, nơi tập hợp các vật liệu dư thừa như sắt, thép, ống thép sau thi công, xi măng hoặc xi măng lỗi. DN tự tổ chức vận chuyển hoặc thuê bên thứ ba để đưa vật liệu thu hồi về kho. Quá trình kiểm tra và phân loại sử dụng nam châm và cảm biến để xác định và tách kim loại. Sau khi phân loại, vật liệu được băm nhỏ để giảm kích thước, nung chảy trong lò, lọc cặn và làm lạnh thành phối nguyên liệu để tiếp tục sản xuất các sản phẩm như thép cây, thép cuộn hoặc thép hộp.



Hình 2. Hoạt động thực hiện RL trong các doanh nghiệp (năm 2023)

Bảng 2. Phương thức tổ chức thực hiện logistics thu hồi của doanh nghiệp (năm 2023)

Chỉ tiêu	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng số DN thực hiện RL	39	100
DN tự thực hiện RL	25	63
DN thuê ngoài 1 số công đoạn của RL:	14	37
Thuê ngoài thu gom + vận chuyển	8	21
Thuê ngoài xử lý	4	11
Kết hợp cả thực hiện và thuê ngoài	2	5

Ngành sản xuất điện và điện tử: DN tổ chức điểm thu hồi để tiếp nhận sản phẩm thải bỏ từ người tiêu dùng. Sau khi thu gom, sản phẩm được kiểm tra, phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy trình nghiêm ngặt dành cho chất thải nguy hại. Các sản phẩm này sau đó được vận chuyển đến các đơn vị có chức năng xử lý chất thải để thực hiện các bước xử lý tiếp theo theo tiêu chuẩn môi trường.

Đối với các DN sản xuất sản phẩm dệt, may tại TP. Hải Phòng; đặc điểm của phần lớn các DN này là nhận sản xuất theo đơn đặt hàng của các thương hiệu thời trang của nước ngoài. Vì vậy tính bảo mật và bảo vệ thương hiệu cho khách hàng luôn được các DN đặt lên hàng đầu. Do vậy, các DN này không thực hiện thu hồi sản phẩm đã bán cho khách hàng, mà chỉ thu hồi sản phẩm bị lỗi không đảm bảo yêu cầu về chất lượng từ công đoạn QC (quality control - kiểm soát chất lượng) tại xưởng để tiêu hủy toàn bộ vì lý do bảo vệ thương hiệu. Cách thức DN tiêu hủy sản phẩm bị lỗi và cả hàng tồn kho không bán được hoặc không xuất đi được là cho vào máy cắt vụn ra thành rác và sau đó sẽ được xử lý như rác.

Trong số các DN đã thực hiện RL, có 63% DN cho biết họ tự thực hiện tất cả các công đoạn của RL từ thu gom, vận chuyển, lưu kho và xử lý sản phẩm thu hồi (Bảng 2). Các DN

này đang hoạt động ở nhiều ngành nghề khác nhau nhưng chủ yếu là thuộc lĩnh vực sản xuất thực phẩm/đồ uống. Có 37% DN cho biết họ không thực hiện toàn bộ các công đoạn của RL, mà chỉ tự thực hiện một hoặc hai công đoạn trong đó, phần còn lại họ thuê ngoài bên khác thực hiện.

Đối với những DN thuê ngoài công đoạn thu gom và vận chuyển sản phẩm thu hồi về DN, họ không ký hợp đồng cố định dài hạn với một bên cung cấp dịch vụ cụ thể, khi nào phát sinh sản phẩm cần thu hồi thì họ thuê nhà cung cấp dịch vụ theo từng chuyến. Còn đối với những DN thuê ngoài công đoạn xử lý sản phẩm thu hồi thì họ ký hợp đồng dài hạn với một bên được cấp phép xử lý các sản phẩm thu hồi đó. Sản phẩm thu hồi về DN lưu trữ tại kho của DN, định kỳ các sản phẩm này sẽ được chuyển đến bên được cấp phép để xử lý.

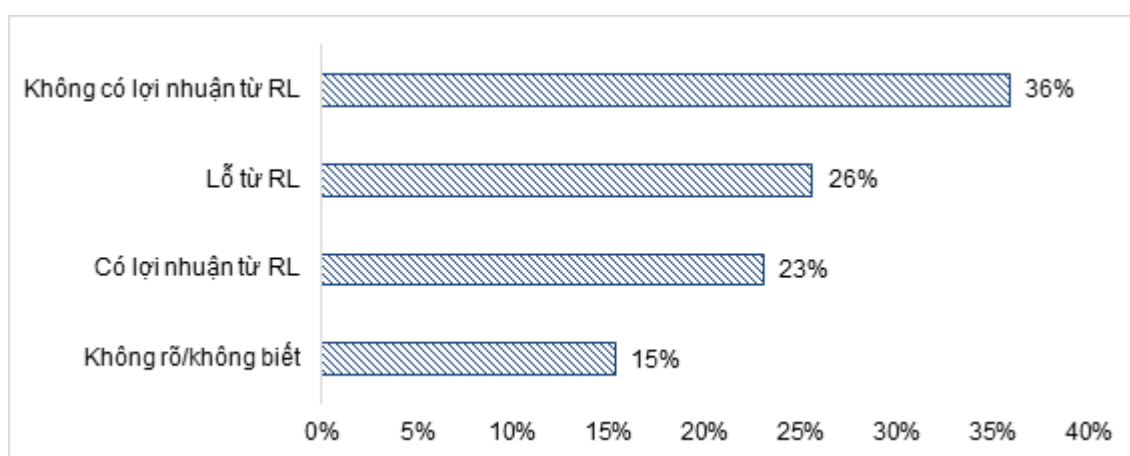
3.3. Kết quả của hoạt động logistics thu hồi

Số lượng chủng loại sản phẩm thu hồi và tỷ lệ thu hồi của DN hoạt động trong các ngành/lĩnh vực được thể hiện trong bảng 3.

Trong số các DN đã thực hiện RL trong mẫu khảo sát, chỉ có 23,08% cho biết DN thu được lợi nhuận từ việc thực hiện RL, đặc biệt có 25,64% số DN cho biết họ bị lỗ khi thực hiện hoạt động này (Hình 3).

Bảng 3. Số lượng chủng loại sản phẩm thu hồi và tỷ lệ thu hồi của các nhóm doanh nghiệp (năm 2023)

Ngành/lĩnh vực hoạt động của DN	Số lượng chủng loại sản phẩm thu hồi	Mô tả chi tiết	Tỷ lệ thu hồi
Thực phẩm/đồ uống	11	Vỏ chai bằng nhựa, vỏ chai/bình bằng thủy tinh, vỏ lon bia, két bia, keg bia, vỏ hộp sữa chua bằng nhựa, pallet gỗ sử dụng trong vận chuyển, vỏ bình nước và các bộ phận liên quan	> 60%
Cao su, nhựa	18	Ống nhựa các loại, đầu bịt, nối góc, nối thẳng, ba chạc, bốn chạc, đầu nối, bích nối, bích nhựa, lốp xe các kích thước	< 5%
Vật liệu xây dựng	7	Thép xây dựng, ống thép	< 1%
Dệt, may	3	Quần, áo, đồ lót các loại	Từ 1-3%
Điện, điện tử	14	Màn hình tivi, máy tính, tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt, lò vi sóng, loa, ắc quy chì	< 0,5%



Hình 3. Ý kiến của doanh nghiệp về lợi nhuận từ logistics thu hồi (% số DN, năm 2023)

Bảng 4. Lượng sản phẩm phế và chi phí xử lý hàng năm của nhà máy NTP tại Hải Phòng giai đoạn 2021-2023

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Sản lượng sản xuất (tấn)	17.000	16.000	17.500
Lượng sản phẩm phế tái chế (tấn)	850	800	875
Chi phí tái chế	Cao hơn 0,1% so với không tái chế		
Lợi nhuận của sản phẩm tái chế	Thấp hơn 0,1% so với không tái chế		

Theo số liệu điều tra NTP, tỷ lệ phế phẩm phát sinh từ sản xuất dao động khoảng 5%, trong khi từ tiêu thụ chỉ chiếm 0,01%. Phế phẩm sản xuất được tái chế ngay để tạo ra sản phẩm mới, còn phế phẩm tiêu thụ - chủ yếu bị ảnh hưởng bởi thời gian và môi trường - được thu hồi từ đại lý và cửa hàng, đảm bảo mẫu mã đẹp trước khi cung cấp ra thị trường. Với sản lượng trung bình 17.000 tấn/năm, nhà máy tại Hải Phòng phát sinh khoảng 850 tấn phế phẩm

có thể tái chế. Dù tái chế có chi phí cao hơn sản xuất từ nhựa nguyên sinh khoảng 0,1% (do chi phí nhân công xử lý phế phẩm), DN vẫn khẳng định hoạt động này mang lại lợi nhuận dương, mặc dù rất khiêm tốn (Bảng 4)

Ngoài lợi ích tài chính, tái chế nhựa giúp giảm phát thải CO₂ từ 39% đến 92% tùy loại nhựa, trong đó nhựa PVC có mức giảm cao nhất (92%). Với 850 tấn phế phẩm tái chế mỗi năm, NTP giúp giảm phát thải khoảng 1.152 tấn CO₂,

tương đương với việc trồng 52.364 cây xanh. Như vậy, RL không chỉ tối ưu hóa hiệu quả sản xuất mà còn đóng góp đáng kể vào bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

3.4. Yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện hoạt động RL của các DN tại thành phố Hải Phòng

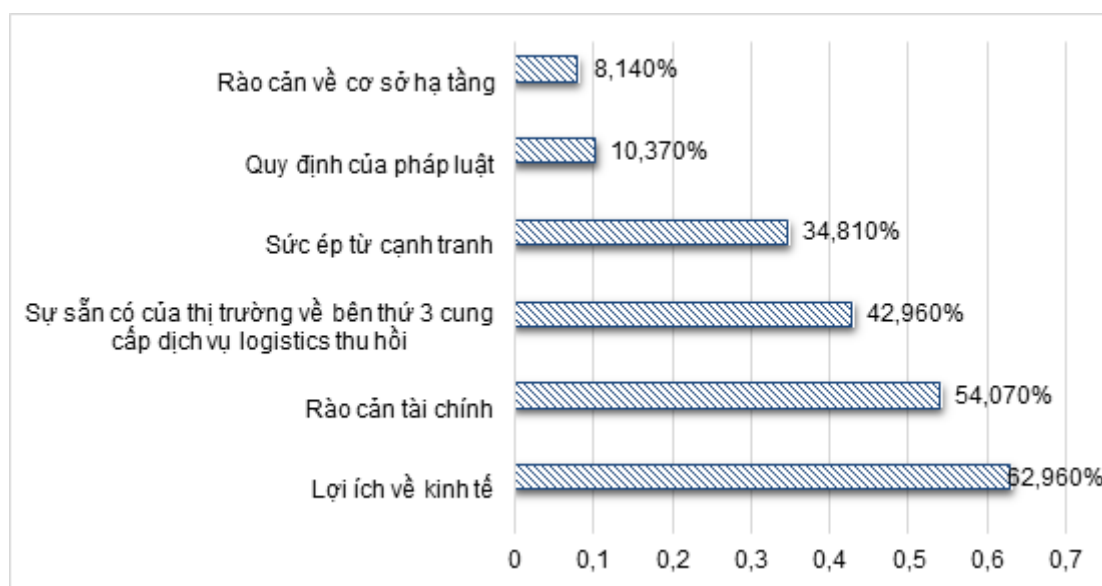
Lợi ích về kinh tế: 62,96% số DN tham gia khảo sát cho rằng đây là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định thực hiện RL của DN (Hình 4). Trên thực tế, các DN luôn phải tính đến lợi ích về kinh tế trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu như một hoạt động nào đó không mang lại lợi ích về kinh tế cho DN thì rất khó để DN có động lực thực hiện hoạt động đó. Thực hiện RL có thể mang lại cho DN nhiều lợi ích về kinh tế như tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu, tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên, mở rộng cơ hội kinh doanh từ các sản phẩm tái chế, tăng nhận diện thương hiệu và tệp khách hàng trung thành. Kết quả này đồng nhất với nghiên cứu của Govindan & cs. (2015) và Larsen & Jacobsen (2016).

Rào cản về tài chính: 54,07% DN đánh giá đây là rào cản lớn nhất tới quyết định thực hiện RL của DN (Hình 4). Các vấn đề tài chính như chi phí đầu tư ban đầu cao, chi phí thu gom, vận

chuyển và xử lý sản phẩm thu hồi, cùng với khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ, khiến nhiều DN không sẵn sàng triển khai RL, đặc biệt là các DN vừa và nhỏ. Điều này nhất quán với kết quả nghiên cứu của Wu & Cheng (2006) và Lau & Wang (2009).

Sự sẵn có của thị trường về bên thứ ba cung cấp dịch vụ RL: 42,96% DN nhận định rằng yếu tố này ảnh hưởng đến quyết định thực hiện RL. Do RL đòi hỏi hệ thống thu gom, phân loại và tái chế hiệu quả, sự thiếu hụt các đối tác chuyên cung cấp dịch vụ có thể cản trở quá trình triển khai (Badenhorst, 2016). Những DN hoạt động trong lĩnh vực bao bì, điện tử và nhựa có xu hướng phụ thuộc vào dịch vụ từ bên thứ ba nhiều hơn.

Sức ép từ cạnh tranh từ các DN khác trong ngành trong cuộc đua giành thị phần và khách hàng, được 34,81% DN đánh giá là tác động đến quyết định thực hiện RL. Xu hướng “xanh hóa” sản xuất được người tiêu dùng quan tâm và là một trong những cơ hội để DN nâng cao hình ảnh thương hiệu, đáp ứng yêu cầu từ đối tác hoặc khách hàng có ý thức về bảo vệ môi trường (Meyer & cs., 2017). Tuy nhiên, trong nhiều ngành, áp lực này chưa đủ lớn để trở thành động lực chính thúc đẩy DN thực hiện RL.



Hình 4. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện logistics thu hồi của doanh nghiệp (năm 2023)

Quy định pháp luật chưa có ảnh hưởng rõ rệt tới quyết định thực hiện RL của DN trong thời gian qua. Tính đến năm 2022, Việt Nam đã có những quy định về việc DN phải có trách nhiệm tới hết vòng đời của sản phẩm thay vì chỉ thực hiện sản xuất tuyến tính nhưng những chế tài đối với những DN không thực hiện theo quy định thì lại chưa đủ sức răn đe (ý kiến chuyên gia). Mới nhất hiện nay là Luật bảo vệ môi trường 2020 quy định về trách nhiệm tái chế tại điều 54 áp dụng cho pin, thiết bị điện - điện tử, dầu nhớt, sấm lốp, bao bì, phương tiện giao thông và trách nhiệm xử lý tại điều 55 áp dụng cho nhiều loại sản phẩm, bao bì. Lộ trình thực hiện các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất và nhập khẩu được tính từ ngày 1/1/2024. Mặt khác, Hải Phòng là nơi hoạt động của nhiều DN FDI có công ty mẹ ở nước ngoài và đã thực hiện RL và xử lý các sản phẩm thu hồi rồi, nhưng chi nhánh tại Việt Nam lại chưa triển khai thực hiện, hoặc nếu có thực hiện, thì chỉ là thực hiện theo từng chiến dịch với mục đích truyền thông là chính.

Cơ sở hạ tầng (DN và hạ tầng logistics chung của Hải Phòng) không còn là rào cản đáng kể đối với các DN thực hiện RL (90% DN). Hải Phòng được đánh giá là một trong các tỉnh, thành phố đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội bài bản và quy mô hàng đầu của Việt Nam và hiện vẫn đang được đầu tư ở mức độ cao.

3.5. Giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện hoạt động logistics thu hồi

Mục tiêu cụ thể đối với phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam gồm: góp phần giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về “0” vào năm 2050. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, với cam kết về tiêu chuẩn an toàn môi trường sinh thái, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn là xu hướng tất yếu nhằm hướng tới phát triển bền vững. Logistics thu hồi - thể hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất - là một công cụ quan trọng trong quản lý chất thải rắn, là động lực thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. Dựa trên kết quả của

nghiên cứu thực trạng hoạt động RL của các DN tại TP. Hải Phòng, một số giải pháp được đề xuất và được phân tích bằng phương pháp AHP để xếp hạng theo thứ tự ưu tiên.

3.5.1. Giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước

Hỗ trợ DN tìm đầu ra cho sản phẩm tái chế (mã hóa G1). Để hỗ trợ DN tìm đầu ra cho sản phẩm tái chế, thành phố có thể triển khai một số giải pháp như sau: (i) ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm tái chế phù hợp với các công trình xây dựng hoặc mua sấm công; (ii) ủng hộ tiêu dùng xanh bằng cách công khai mua sấm và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm tái chế; (iii) thực hiện các chiến dịch truyền thông cộng đồng công khai ủng hộ các sản phẩm tái chế, các thương hiệu thân thiện với môi trường; (iv) khuyến khích phát triển các kênh phân phối sản phẩm tái chế.

Khuyến khích và thu hút sự tham gia của người tiêu dùng và cộng đồng (G2). Khuyến khích và thu hút sự tham gia của người tiêu dùng và cộng đồng trong việc thúc đẩy hành vi tiêu dùng bền vững, ủng hộ tiêu dùng các sản phẩm tái chế/tái sử dụng, thực hiện có hiệu quả phân loại rác tại nguồn và lựa chọn các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho thu gom, phân loại và tái chế (G3). Hiện nay, các mô hình phân loại rác tại nguồn mới chỉ dừng ở mức thí điểm nhỏ lẻ và chưa được mở rộng toàn thành phố. Hệ thống quản lý dữ liệu cũng chưa số hóa, dẫn đến thiếu khả năng giám sát, đánh giá và tối ưu hiệu quả hoạt động phân loại.

Tăng cường sự hướng dẫn, hỗ trợ của các cơ quan quản lý tới DN (G4). (i) Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng cần đóng vai trò chủ động hơn trong việc thúc đẩy nhận thức và hành động của DN đối với kinh tế tuần hoàn, đặc biệt là RL thông qua các buổi hội thảo, tập huấn; (ii) Thành phố cần chủ động cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và dễ tiếp cận về các chương trình hỗ trợ tài chính, các gói vay ưu đãi và các quỹ đầu tư ESG (môi trường, xã hội và quản trị), (iii) Xem xét nghiên cứu thành lập một quỹ hỗ trợ ban đầu cho DN để có tài chính

thực hiện thu hồi, tái chế/tái sử dụng với lãi suất và thời hạn vay ưu đãi, tạo động lực cho DN thực hiện.

Khuyến khích, hỗ trợ DN bên thứ ba cung cấp dịch vụ RL phát triển (G5). UBND Thành phố cần tạo ra một cơ chế cân bằng giữa khu vực tái chế chính thức và phi chính thức, khu vực tái chế phi chính thức gây ô nhiễm môi trường; cần xem xét thu hẹp quy mô hoạt động tiến tới loại bỏ thông qua việc cấp phép môi trường cho các DN đủ điều kiện về hạ tầng bảo vệ môi trường tham gia tái chế.

Tiếp tục phát huy lợi thế về cơ sở hạ tầng logistics của thành phố (G6). Cơ sở hạ tầng - bao gồm cả hạ tầng logistics chung của thành phố - không phải là một rào cản đáng kể cản trở DN Hải Phòng triển khai RL. Đây là một điểm sáng của môi trường đầu tư và phát triển RL tại địa phương, phản ánh lợi thế tương đối của Hải Phòng trong khu vực.

Kết quả của phương pháp AHP thể hiện qua bảng 5 cho thấy tỷ số nhất quán CR của nhóm giải pháp từ G1 đến G6 là $0,042793 < 0,1$, do đó bộ trọng số đảm bảo tính nhất quán. Thứ tự ưu tiên của các giải pháp trong nhóm G sắp xếp theo trọng số từ ưu tiên nhất đến ít ưu tiên nhất là: G4, G1, G5, G6, G2, G3 (Bảng 5).

3.5.2. Giải pháp đối với DN

DN cần nâng cao hiểu biết và nhận thức về xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn trong tương

lai mà Việt Nam đang hướng tới và Chính phủ đã định hướng (C1): những chính sách, luật, quy định đã và sẽ được thực thi liên quan đến trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong việc thu hồi và xử lý các sản phẩm/bao bì sản phẩm thải bỏ; quan tâm tới sự phát triển trong dài hạn của DN.

DN cần xây dựng hệ thống tổ chức tích hợp hoạt động RL, đưa RL vào chiến lược phát triển của DN (C2). Khi áp dụng và triển khai thực hiện RL trong thực tiễn, các DN phải đối mặt với nhiều thách thức khác nhau. Tuy nhiên, bất chấp những thách thức này, các nghiên cứu từ trước đến nay đều cho thấy rằng việc thực hiện hoạt động RL đều giúp cải thiện hiệu quả hoạt động của DN.

Chủ động học hỏi kinh nghiệm của những DN đã thực hiện thành công, tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện RL (C3). Kinh nghiệm của những người đi trước luôn là nguồn tham khảo mang tính thực tiễn cao và có ý nghĩa, giúp rút ngắn thời gian tìm hiểu, nghiên cứu của DN; đồng thời củng cố niềm tin cho DN.

Chủ động nghiên cứu các công nghệ tái chế để tái chế các sản phẩm/bao bì sản phẩm của DN với chi phí thấp và cạnh tranh (C4); nghiên cứu, thay đổi quy cách sản phẩm/bao bì sản phẩm theo hướng dễ dàng để tái chế hơn, tăng cường sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường.

Bảng 5. Vector trọng số của các giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước

Giải pháp	Trọng số
G1	0,20956
G2	0,116005
G3	0,120645
G4	0,249598
G5	0,160587
G6	0,143605
Tổng	1,000
λ_{max}	6,265319
CI	0,053064
RI	1,24
CR	0,042793

Bảng 6. Vector trọng số của các giải pháp đề xuất đối với DN

Giải pháp	Trọng số
C1	0,31
C2	0,13
C3	0,15
C4	0,16
C5	0,1
C6	0,09
C7	0,06
Tổng	1,00
λ_{max}	7,49
CI	0,08
RI	1,32
CR	0,06

Tăng cường sự hợp tác với các bên có liên quan (C5). Đối với nhà cung cấp và đối tác, đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu thu hồi phù hợp cho tái chế. Đối với khách hàng, xây dựng chính sách thu hồi thuận lợi như hỗ trợ đổi trả, đổi cũ lấy mới hoặc thu gom miễn phí tại các địa điểm bán hàng chính hãng của DN như nhà phân phối, nhà bán lẻ ủy quyền.

Nâng cao chất lượng quản trị DN (C6). Quản trị DN hiệu quả không chỉ giúp tăng cường khả năng cạnh tranh mà còn tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Xây dựng thương hiệu DN xanh (C7). Cam kết về môi trường giúp DN xây dựng hình ảnh tích cực, thể hiện trách nhiệm xã hội và thu hút sự yêu mến từ công chúng.

Tỷ số nhất quán CR của nhóm giải pháp từ C1 đến C7 là $0,06 < 0,1$, do đó bộ trọng số đảm bảo tính nhất quán. Thứ tự ưu tiên của các giải pháp trong nhóm C sắp xếp theo trọng số từ ưu tiên nhất đến ít ưu tiên nhất là: C1, C4, C3, C2, C5, C6, C7 (Bảng 6).

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Tỷ lệ các DN đã thực hiện hoạt động RL tại TP. Hải Phòng chiếm tỷ lệ khá thấp, trong khi đó phần lớn các DN cho biết họ chưa thực hiện hoạt động RL. Nghiên cứu một số DN thuộc 5

ngành sản xuất cho thấy hoạt động RL có thể mang lại lợi ích cho DN và đa phần tự thực hiện RL, chỉ thuê ngoài một số công đoạn thu gom, vận chuyển. Có 4 yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện RL của DN trong thời gian qua bao gồm lợi ích về kinh tế, sức ép của cạnh tranh, sự sẵn có của thị trường về bên thứ 3 cung cấp dịch vụ RL, rào cản về tài chính. Quy định của pháp luật và rào cản về cơ sở hạ tầng có rất ít ảnh hưởng tới quyết định thực hiện RL của DN trong thời gian qua do lộ trình thực hiện mới bắt đầu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp đối với cơ quan quản lý nhà nước như tăng cường sự hướng dẫn, hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước tới DN; hỗ trợ DN tìm đầu ra cho sản phẩm tái chế; khuyến khích, hỗ trợ DN bên thứ ba cung cấp dịch vụ RL phát triển; tiếp tục phát huy lợi thế về cơ sở hạ tầng logistics của thành phố; khuyến khích và thu hút sự tham gia của người tiêu dùng và cộng đồng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho thu gom, phân loại và tái chế. Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp đối với DN như: nâng cao hiểu biết và nhận thức về xu thế phát triển kinh tế tuần hoàn trong tương lai; đầu tư nghiên cứu các công nghệ tái chế để tái chế các sản phẩm/bao bì sản phẩm của DN với chi phí thấp và cạnh tranh; học hỏi kinh nghiệm của những DN đã thực hiện RL thành công; tích hợp RL vào chiến lược phát triển;

tăng cường hợp tác với các bên có liên quan; nâng cao chất lượng quản trị DN và xây dựng thương hiệu DN xanh.

Hạn chế của nghiên cứu xuất phát từ tính bảo mật cao của dữ liệu DN, đặc biệt đối với các DN quy mô lớn, khiến việc tiếp cận số liệu thực tế gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trong phạm vi mẫu khảo sát, chưa có DN nào áp dụng kế toán môi trường - một công cụ quan trọng để đo lường và đánh giá tác động của hoạt động sản xuất kinh doanh đối với môi trường. Sự thiếu hụt này làm hạn chế khả năng đánh giá toàn diện về lợi ích kinh tế và môi trường của RL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Badenhorst A. (2016). Prioritising the implementation of practices to overcome operational barriers in reverse logistics. *Original Research*. 10(1). doi.org/10.4102/jtscm.v10i1.240.
- Bouzon M., Govindan K., Rodriguez C.M.T. & Campos L.M.S. (2016). Identification and analysis of reverse logistics barriers using fuzzy Delphi method and AHP. *Resources, Conservation and Recycling*. 108: 16. doi.org/10.1016/j.resconrec.2015.05.021.
- Govindan K., Khodaverdi R. & Vafadarnikjoo A. (2015). Intuitionistic fuzzy based DEMATEL method for developing green practices and performances in a green supply chain. *Expert Systems with Applications*. 42(20): 14.
- Larsen S.B. & Jacobsen P. (2016). Revenue in reverse? An examination of reverse supply chain enabled revenue streams. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*. 46(8): 22.
- Lau K.H. & Wang Y. (2009). Reverse logistics in the electronic industry of China: a case study. *Supply Chain Management*. 14(6): 19.
- Lê Thị Xim, Cao Thị Hoàng Yến, Hồ Hoàng Yến, Vũ Thị Sen & Nguyễn Thị Lê Hằng (2024). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực thi logistics ngược trong ngành thương mại điện tử ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải*. 78: 92-98.
- Marchesini M.M.P. & Alcântara R. L. C. (2016). Logistics activities in supply chain business process: A conceptual framework to guide their implementation. *The International Journal of Logistics Management*. 27(1):25. doi.org/10.1108/IJLM-04-2014-0068.
- Meyer A., Niemann W., Mackenzie J. & Lombaard J. (2017). Drivers and barriers of reverse logistics practices: A study of large grocery retailers in South Africa. *Journal of Transport and Supply Chain Management*. 11(a323). doi.org/10.4102/jtscm.v11i0.323.
- Nguyễn Huy Tuấn (2021). Mối quan hệ giữa các tác nhân trong logistics ngược và kết quả kinh tế: nghiên cứu trường hợp doanh nghiệp bán lẻ hàng điện tử tại thành phố Đà Nẵng. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Rogers D.S. & Tibben-Lembke R.S. (1999). *Going backwards: reverse logistics trends and practices*. Reverse Logistics Executive Council, Pittsburgh, PA.
- Tavana M., Zareinejad M., Caprio D.D. & Kaviani M.A. (2016). An integrated intuitionistic fuzzy AHP and SWOT method for outsourcing reverse logistics. *Applied Soft Computing*. 40: 14. doi.org/10.1016/j.asoc.2015.12.005.
- Trần Thị Thu Hương (2018). Phát triển Logistics ngược trong chuỗi cung ứng sản phẩm nhựa Việt Nam. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thương mại.
- Wu J.Y. & Cheng W.P. (2006). Reverse logistics in the publishing industry: China, Hong Kong, and Taiwan. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*. 36(7): 17.